

BÀI TẬP CUỐI TUẦN TOÁN 3**Tuần 24 - Đề 1****Phần I.**

Đúng ghi Đ, sai ghi S

Câu 1.

a) Giá trị biểu thức $4438 : 7 \times 3$ là:

1902 ...

1900 ...

2902 ...

b) Giá trị biểu thức $1950 : 6 \times 5$ là:

1725 ...

1625 ...

1800 ...

c) Giá trị biểu thức $1808 : 4 + 793$ là:

1145 ...

1245 ...

1345 ...

Câu 2.

a) Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 1503m, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài.

Tính chu vi khu đất đó.

4000m ...

4008m ...

4500m ...

b) Một hình chữ nhật có chiều rộng 42m, chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Tính chu vi hình chữ nhật đó.

210m ...

420m ...

430m ...

Phần II

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $1454 : 4$

b) $2755 : 5$

c) $2167 : 6$

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Có 6 bao gạo, mỗi bao đựng 136kg gạo. Số gạo đó chia đều vào 8 túi.
 Hỏi mỗi túi đựng bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải

.....

Bài 3. Điền số hoặc số La Mã vào bảng (theo mẫu)

Số	5	7	9			21		
Số La Mã	V			X	XIV		XII	XVIII

Bài 4. Xếp các số : XI, VIII, VI, IX, IV, XX, XIX theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....

Bài 5. Đồng hồ chỉ mấy giờ? (Viết vào chỗ chấm)



..... giờ phút



..... giờ phút



..... giờ phút

LỜI GIẢI CHI TIẾT**Phần I****Câu 1.****Phương pháp:**

- Biểu thức chỉ có phép tính nhân, chia thì thực hiện theo thứ tự từ trái sang phải..
- Biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì thực hiện phép nhân, chia trước; thực hiện phép cộng, trừ sau.

Cách giải:

$$\begin{aligned} \text{a)} \quad & 4438 : 7 \times 3 \\ & = 634 \times 3 \\ & = 1902 \end{aligned}$$

Vậy ta có kết quả như sau:

$$1902 \quad (\mathbf{Đ}) \qquad 1900 \quad (\mathbf{S}) \qquad 2902 \quad (\mathbf{S})$$

$$\begin{aligned} \text{b)} \quad & 1950 : 6 \times 5 \\ & = 325 \times 5 \\ & = 1625 \end{aligned}$$

Vậy ta có kết quả như sau:

$$1725 \quad (\mathbf{S}) \qquad 1625 \quad (\mathbf{Đ}) \qquad 180 \quad (\mathbf{S})$$

$$\begin{aligned} \text{c)} \quad & 1808 : 4 + 793 \\ & = 452 + 793 \\ & = 1245 \end{aligned}$$

Vậy ta có kết quả như sau:

1145 (S)

1245 (Đ)

1345 (S)

Câu 2.**Phương pháp:**

a) - Tính chiều rộng khu đất = chiều dài : 3.

- Tính chu vi khu đất = (chiều dài + chiều rộng) \times 2.b) - Tính chiều dài = chiều rộng \times 4.- Tính chu vi hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) \times 2.**Cách giải:**

a) Chiều rộng khu đất đó là:

$$1503 : 3 = 501 \text{ (m)}$$

Chu vi khu đất đó là:

$$(1503 + 501) \times 2 = 4008 \text{ (m)}$$

Đáp số: 4008m.

Vậy ta có kết quả như sau:

4000m (S)

4008m (Đ)

4500m (S)

b) Chiều dài hình chữ nhật đó là:

$$42 \times 4 = 168 \text{ (m)}$$

Chu vi hình chữ nhật đó là:

$$(168 + 42) \times 2 = 420 \text{ (m)}$$

Đáp số: 420m.

Vậy ta có kết quả như sau:

210m (S)

420m (Đ)

430m (S)

Phần II**Bài 1.****Phương pháp:**

Phép chia ta đặt tính theo cột dọc, sau đó chia lần lượt từ trái sang phải.

Cách giải:

$$\begin{array}{r} a) 1454 \overline{) 4} \\ 25 \overline{) 363} \\ 14 \\ 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} b) 2755 \overline{) 5} \\ 25 \overline{) 551} \\ 05 \\ 0 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} c) 2167 \overline{) 6} \\ 36 \overline{) 361} \\ 07 \\ 1 \end{array}$$

Bài 2.**Phương pháp:**

- Tìm số ki-lô-gam gạo có trong 6 bao ta lấy số ki-lô-gam có trong 1 bao nhân với 6.
- Tìm số ki-lô-gam gạo có trong 1 túi ta lấy số ki-lô-gam có trong 6 bao chia cho số túi.

Cách giải:

6 bao gạo có số ki-lô-gam gạo là:

$$136 \times 6 = 816 \text{ (kg)}$$

Mỗi túi đựng được số ki-lô-gam gạo là:

$$816 : 8 = 102 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 102 kg.

Bài 3.**Phương pháp:**

Ghi nhớ cách đọc các chữ số La Mã thường dùng là:

I: một

V: năm

X: mười

Cách giải:

Số	5	7	9	10	14	21	12	18
Số La Mã	V	VII	IX	X	XIV	XXI	XII	XVIII

Bài 4.**Phương pháp:**

Xác định giá trị các số rồi so sánh và sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé.

Cách giải:

Các số La Mã XI, VIII, VI, IX, IV, XX, XIX có giá trị lần lượt là 11; 8; 6; 9; 4; 20; 19.

Ta có: $20 > 19 > 11 > 9 > 8 > 6 > 4$.

Vậy các số La Mã xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

XX, XIX, XI, IX, VIII, VI, IV.

Bài 5.**Phương pháp:**

Xác định kim giờ và kim phút đang chỉ vào số bao nhiêu rồi đọc giờ tương ứng.

Cách giải: